

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 227/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 9 năm 2022

Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Bửu Thương

Ông Hà Trọng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Đ, sinh năm 1990 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 0, phường T, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 0/0, Q, khóm 0, phường 0, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Ngô Thị Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường 0, thành phố C, tỉnh C. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi, dẫn đến ly thân với nhau từ tháng 12/2021 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn H S, sinh ngày 30/6/2008 và Nguyễn N T, sinh ngày 25/4/2014, hiện đang sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

- Về nợ chung: Chị Đ xác định không có.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Chị Ngô Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Ngô Thị Đ và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường 0, thành phố C, tỉnh C. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh H được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Đ xác định không còn tình cảm yêu thương anh H, hôn nhân không còn hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 12/2021 cho đến nay. Chị Đ mong muốn được ly hôn và khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với anh Nguyễn Văn H, Tòa án đã thông báo cho anh H biết yêu cầu khởi kiện của chị Đ nhưng anh H không ý kiến gì và cũng không có văn bản gửi Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn H S, sinh ngày 30/6/2008 và Nguyễn N T, sinh ngày 25/4/2014. Khi ly hôn, chị Đ yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, từ khi chị Đ và anh H ly thân với nhau đến nay thì các con chung vẫn sống cùng với chị Đ, đã ổn định về cuộc sống nên cần giao con chung cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh H không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Đ xác định tự thỏa thuận.

[5] Về nợ chung: Chị Đ xác định không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 và 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 30/6/2008 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 25/4/2014 cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh H không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng. Ngày 05/7/2022 chị Đ đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001680 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đổi trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND phường 0, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang